



BÁO CÁO CÔNG KHAI THUYẾT MINH
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NSĐP QUÝ II NĂM 2023
(Kèm theo Công văn số: 108 /TCKH ngày 10 tháng 7 năm 2023 của phòng TC- KH)

I- Cân đối ngân sách:

Tổng thu cân đối ngân sách nhà nước trên địa bàn Quý II năm 2023 là 119.991 triệu đồng, đạt 10% so với dự toán và bằng 94% so với cùng kỳ năm trước.

Tổng thu chuyên nguồn năm 2022 sang là 205.729 triệu đồng và bằng 87% so với cùng kỳ năm trước (Số chuyên nguồn của ngân sách cấp xã, phường).

Tổng chi ngân sách địa phương trên địa bàn Quý II năm 2023 là 220.984 triệu đồng, đạt 16% so với dự toán và bằng 78% so với cùng kỳ năm trước.

(Chi tiết theo phụ lục số 01 đính kèm)

II - Thu ngân sách:

a. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn Quý II năm 2023 thực hiện 119.991 triệu đồng, đạt 10% dự toán năm và bằng 94% so với cùng kỳ năm trước (không kể thu tiền sử dụng đất thực hiện 78.864 triệu đồng đạt 62% so dự toán giao), trong đó:

- Thu từ khu vực doanh nghiệp do nhà nước giữ vai trò chủ đạo: 431 triệu đồng, đạt 431% so dự toán giao.

- Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: 332 triệu đồng, đạt 17% so dự toán giao.

- Thu từ khu vực công thương nghiệp - dịch vụ ngoài quốc doanh thực hiện 38.685 triệu đồng, đạt 18% so dự toán.

- Thuế thu nhập cá nhân thực hiện 4.551 triệu đồng, đạt 11% dự toán.

- Thu lệ phí trước bạ thực hiện 10.313 triệu đồng, đạt 17% dự toán.

- Phí và lệ phí thực hiện 1.302 triệu đồng, đạt 38% so dự toán.

- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp thực hiện 4.024 triệu đồng, đạt 67% so dự toán.

- Thu tiền sử dụng đất thực hiện 41.127 triệu đồng, đạt 5% so dự toán.

- Tiền thuê đất thực hiện 4.626 triệu đồng, đạt 58% dự toán.

- Thu hoa lợi công sản, đất công ích, thu khác tại xã thực hiện 10.803 triệu đồng, đạt 270% dự toán.

- Thu khác ngân sách thực hiện 1.044 triệu đồng, đạt 52% dự toán.

- Thu phạt an toàn giao thông thực hiện 1.706 triệu đồng, đạt 122% dự toán.

- Thu phạt vi phạm hành chính do ngành thuế thực hiện 1.037 triệu đồng, đạt 32%.

- Thu tiền khai thác khoáng sản thực hiện 10 triệu đồng.

b. Thu ngân sách thị xã được hưởng theo phân cấp là 99.229 triệu đồng, đạt 11% so dự toán giao và bằng 110% so với cùng kỳ.

(Chi tiết theo phụ lục số 02 đính kèm)

III - Chi ngân sách:

Tổng chi ngân sách địa phương Quý II năm 2023 thực hiện: 220.984 triệu đồng, đạt 16% so với DT giao và bằng 78% so với cùng kỳ, bao gồm:

- Chi đầu tư phát triển thực hiện 38.824 triệu đồng, đạt 5% dự toán năm.
- Chi thường xuyên thực hiện 145.351 triệu đồng, đạt 24% so với dự toán.
- Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh thực hiện 36.809 triệu đồng, đạt 63% dự toán.

(Chi tiết theo phụ lục số 03 đính kèm)

IV. Đánh giá kết quả thu – chi ngân sách:

1. Đánh giá kết quả thu NSNN:

Số thu ngân sách nhà nước trên địa bàn Quý II năm 2023 thực hiện chưa đạt so với tiến độ dự toán được giao, đạt 10% dự toán năm (lý do chưa có số thu lớn tiền sử dụng đất của các dự án đấu giá, thực hiện thu chủ yếu từ công nhận quyền sử dụng đất của cá nhân và đất dân cư dịch vụ).

Cơ bản các sắc thuế đều đảm bảo tiến độ và có sự tăng trưởng, đặc biệt là thu phí, lệ phí; thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp; thu phạt ATGT; Thu từ quỹ công ích, hoa lợi công sản khác.

Bên cạnh một số chỉ tiêu đạt cao vẫn còn một số chỉ tiêu đạt thấp như:

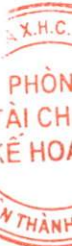
- Thuế thu nhập cá nhân: đạt thấp nguyên nhân do giảm thu từ hoạt động chuyển nhượng BĐS do thị trường BĐS trầm lắng.

- Lệ phí trước bạ: Đạt 17% dự toán năm và bằng 56% so với cùng kỳ năm trước. Kết quả thu còn thấp và thấp hơn so với cùng kỳ khoảng 8 tỷ đồng do 5 tháng đầu năm 2022 có chính sách hỗ trợ giảm 50% lệ phí trước bạ đối với ô tô sản xuất trong nước dẫn đến kích cầu tiêu dùng tăng mạnh.

2- Đánh giá kết quả chi ngân sách địa phương:

- Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công Quý II trên địa bàn toàn thị xã vẫn còn thấp, do các dự án sử dụng vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất và các nguồn thu để lại đầu tư thì được giải ngân theo tiến độ nguồn thu. Đến thời điểm hiện nay, số thu còn thấp nên chưa phản ánh được thực nguồn, làm ảnh hưởng tỷ lệ giải ngân chung của toàn thị xã.

- Chi thường xuyên đảm bảo theo tiến độ dự toán, bám sát chương trình công tác các nhiệm vụ trọng tâm của Ủy ban nhân dân thị xã và các văn bản chỉ đạo của các cấp có thẩm quyền. Các cơ quan, đơn vị chủ động tính toán, chi đúng, chi đủ các chế độ an sinh xã hội và một số nhiệm vụ chuyên môn đột xuất khác.



Trong Quý II thị xã đã thực hiện hỗ trợ cấp giấy chứng nhận đổi tên 02 đơn vị quản lý hành chính theo Nghị quyết số 55/NQ – HĐND ngày 3/4/2023 của HĐND huyện Thuận Thành (Phòng Nông nghiệp và PTNT đổi tên thành phòng Kinh Tế và phòng Kinh tế Hạ tầng đổi tên thành phòng Quản lý đô thị); Đổi 04 tên đơn vị sự nghiệp theo Quyết định số 232/QĐ – UBND ngày 24/3/2023 của UBND huyện Thuận Thành (Trường MN Thị Trấn Hồ đổi tên thành Trường MN Phường Hồ; Trường tiểu học Thị Trấn Hồ số 1,2 đổi tên thành trường tiểu học Phường Hồ số 1, tiểu học Phường Hồ số 2, trường THCS Thị Trấn Hồ đổi tên thành trường THCS Phường Hồ) và đổi địa chỉ cho 90 đơn vị thuộc thị xã.

Trên đây là báo cáo thuyết minh công khai của phòng Tài chính - Kế hoạch về khái quát tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương Quý II năm 2023.





CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ II NĂM 2023

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Thực hiện	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	$3=2/1$	<i>4</i>
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	1.242.560	325.720	26,2	89,7
I	Thu cân đối NSNN	1.242.560	119.991	9,7	94,2
1	Thu nội địa	1.242.560	119.991	9,7	94,2
2	Thu viện trợ				
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		205.729		87,2
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH THỊ XÃ	1.425.632	220.984	15,5	78,1
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	1.367.583	184.175	13,5	100,2
1	Chi đầu tư phát triển	730.776	38.824	5,3	97,6
2	Chi thường xuyên	618.852	145.351	23,5	101,0
3	Dự phòng ngân sách	17.955	0	0,0	0,0
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp tỉnh	58.049	36.809	63,4	37,2

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ II NĂM 2023

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Thực hiện	So sánh(%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3=2/1</i>	<i>4</i>
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	1.242.560	119.991	10	94
I	Thu nội địa	1.242.560	119.991	10	94
1	Thu từ khu vực DNNN ĐP	100	431	431	2.394
2	Thu từ khu vực ĐTNN	2.000	332	17	100
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	210.000	38.685	18	105
4	Thuế môn bài	460	0		
5	Thuế thu nhập cá nhân	43.000	4.551	11	15
6	Lệ phí trước bạ	59.000	10.313	17	56
7	Thu phí, lệ phí	3.400	1.302	38	256
8	Các khoản thu về nhà, đất	914.000	49.777	5	284
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		0		
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	6.000	4.024	67	1.311
-	Thu tiền sử dụng đất	900.000	41.127	5	368
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	8.000	4.626	58	76
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước		0		
9	Thu phạt ATGT	1.400	1.706	122	291
10	Thu phạt vi phạm hành chính cơ quan thuế xử lý	3.200	1.037	32	76
11	Thu khác ngân sách	2.000	1.044	52	5
12	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác (thu tại xã)	4.000	10.803	270	1.317
13	Thu tiền cấp quyền khai thác KS		10		
II	Thu viện trợ				
B	THU NGÂN SÁCH THỊ XÃ ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	933.152	99.229	11	110
1	Từ các khoản thu phân chia %	858.487	79.394	9	107
2	Các khoản thu ngân sách thị xã được hưởng 100%	74.665	19.835	27	125



THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ II NĂM 2023

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Thực hiện	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	I	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH THỊ XÃ	1.425.632	220.984	15,5	78,1
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH	1.367.583	184.175	13,5	100,2
I	Chi đầu tư phát triển	730.776	38.824	5,3	97,6
1	Chi đầu tư cho các dự án	730.776	38.824	5,3	97,6
2	Chi đầu tư phát triển khác				
II	Chi thường xuyên	618.852	145.351	23,5	101,0
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	325.422	74.791	23,0	100,3
2	Chi văn hóa thông tin	3.185	870	27,3	97,3
3	Chi phát thanh, truyền hình	2.230	828	37,1	146,3
4	Chi thể dục thể thao	1.033	298	28,8	133,6
5	Chi bảo vệ môi trường	39.098	15.211	38,9	185,0
6	Chi hoạt động kinh tế	27.929	1.515	5,4	45,2
7	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	112.690	27.031	24,0	94,4
8	Chi bảo đảm xã hội	84.727	20.085	23,7	89,1
9	SN Y tế	15.285	4.039	26,4	100,9
10	Chi khác	7.253	683	9,4	72,7
III	Dự phòng ngân sách	17.955	0	0,0	0,0
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	58.049	36.809	63,4	37,2
1	Chương trình mục tiêu quốc gia	36.560	8.362	22,9	10,1
2	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	21.489	28.447	132,4	178,3

Ghi chú: Dự toán không bao gồm ANQP, TK 10% chi thường xuyên.